

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 32/2019/DS-ST

Ngày 11 /11/ 2019

“ V/v Kiện đòi tài sản ”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Luyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Xuân Thắng.

Ông Vũ Mạnh Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện EaKar xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 158/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2019 về việc “ Kiện đòi tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2019; quyết định hoãn phiên tòa số 32/2019/QĐ- HPT ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện EaKar, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hồ Minh P.

Địa chỉ: Thôn 8, xã E, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P: Bà Đào Thị N (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn E, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Lê Quốc T và bà Lê Thị Diễm T1(vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn E, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 6 năm 2019, bản tự khai ngày 10 tháng 7 năm 2019 và tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông P và ông T, bà T1 là chỗ bạn bè quen biết nên ngày 06/02/2017 ông Hồ Minh P có cho ông Lê Quốc T và bà Lê Thị Diễm T1 vay 01 lượng vàng 9999(10 chỉ vàng 9999), thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày 06/02/2017 đến ngày 06/02/2018, khi vay các bên có lập giấy tờ vay vàng, ông T và bà T1 có ký dưới giấy tờ vay này. Khi đến hạn trả vàng ông P đã nhiều lần đến đòi nhưng ông T, bà T1 không trả nợ cố tình trốn tránh không chịu trả nợ cho ông P. Vậy nay ông P khởi kiện yêu cầu ông T và bà T1 trả số nợ là 01 lượng vàng 9999(10 chỉ vàng 9999) và không yêu cầu tiền lãi.

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Lê Thị Diễm T1 trình bày: ông T, bà T1

và ông Hồ Minh P là chỗ quen biết. Vào ngày 06/02/2017 ông T, bà T1 có vay của ông P 10 chỉ vàng 9999, thời gian vay là một năm kể từ ngày vay, lãi suất thỏa thuận là 640.000 đồng/tháng, các bên có lập giấy tờ vay và ông T, bà T1 có ký dưới giấy tờ vay. Chữ ký tại giấy vay vàng ngày 06/02/2017 do ông P cung cấp cho Tòa án đúng là chữ ký, chữ viết của bà T1 và ông T. Trong quá trình vay thì bà T1 đã trả cho ông P được 03 chỉ vàng 9999 và 7.000.000 đồng tiền mặt. Vì là chỗ anh em quen biết nên bà T1 chỉ đến nhà trả trực tiếp chứ không lập giấy tờ, nên không có chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án. Việc vay mượn này là do ông T và bà T1 vay về để làm kinh tế trong gia đình, bà T1 xác định đây là nợ chung của vợ chồng. Bà T1 xác định hiện tại bà T1 và ông T còn nợ lại của ông P là 7 chỉ vàng 9999, hẹn ông P là sẽ cố gắng trả trong thời gian sớm nhất.

***Bị đơn Lê Quốc T:** Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản giấy tờ của Tòa án cho bị đơn ông Lê Quốc T nhưng ông T không lên Tòa án tham gia tố tụng nên Tòa án không tiến hành ghi lời khai được.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự và triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Ngày 31/10/2019 Tòa án nhân dân huyện Ea Kar mở phiên tòa để xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ra quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn ông Lê Quốc T, bà Lê Thị Diễm T1 vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T, bà T1 nhưng những người này vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đơn khởi kiện của ông Hồ Minh P đề ngày 24/6/2019, Tòa án nhân dân huyện EaKar xác định quan hệ pháp luật là “*Kiện đòi tài sản*”, được quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện EaKar thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị

đơn Lê Quốc T và bà Lê Thị Diễm T1 có trách nhiệm trả số 10 chỉ vàng 9999. Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 06/02/2017 ông T và bà T1 có vay của ông P tổng số vàng là 10 chỉ vàng 9999 và hẹn đến ngày 06/02/2018 sẽ trả số vàng này, tuy nhiên đến hạn mặc dù ông P đã đòi rất nhiều lần nhưng ông T, bà T1 không trả, khi vay không thể chấp tài sản giấy tờ gì ông T, bà T1 có ký vào giấy mượn vàng do ông P giữ. Tuy nhiên tại bản tự khai ngày bà T1 thừa nhận bà T1 và ông T cùng vay 10 chỉ vàng 9999 của ông P về để làm kinh tế chung cho gia đình và xác định là nợ chung của vợ chồng. Do đó, nay nguyên đơn ông P khởi kiện buộc bị đơn ông T, bà T1 trả số vàng nợ là 10 chỉ vàng 9999 là có căn cứ chấp nhận.

Đối với ý kiến của bị đơn bà T1 xác định ngày 06/02/2017 ông T, bà T1 có vay của ông P 10 chỉ vàng 9999, lãi suất thỏa thuận là 640.000 đồng/tháng, quá trình vay đã trả được 7.000.000 đồng tiền mặt và 03 chỉ vàng, người trả tiền là bà T1 người nhận tiền là ông P, nay chỉ chấp nhận trả số vàng còn lại là 7 chỉ vàng 9999, nhưng ý kiến này đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không thừa nhận, bị đơn bà T1 không cung cấp được bất kỳ chứng cứ, tài liệu gì chứng minh cho việc trả nợ của mình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận ý kiến của phía bị đơn.

[4] Về yêu cầu tính lãi suất: Nguyên đơn ông Hồ Minh P không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông T, bà T1 phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp trong vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 85, Điều 147, khoản 1 Điều 157; khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 166, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Minh P.

Buộc bị đơn ông Lê Quốc T và bà Lê Thị Diễm T1 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Hồ Minh P số vàng là 10 chỉ vàng 9999(*mười chỉ vàng*).

Về lãi suất: Nguyên đơn ông P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Bị đơn ông Lê Quốc T và bà Lê Thị Diễm T1 phải chịu 2.078.000 đồng

(4.156.000 đồng/ chỉ x 10 chỉ vàng 9999) x 5% tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn ông Hồ Minh P 875.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0013161 ngày 25/6/2019.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- THADS huyện Eakar;
- Dương sự;
- Lưu HS.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Luyện